TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST Ngày 31/8/2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thúy Nh, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp Hòa H1, xã H, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn An T, sinh năm 1986; đăng ký thường trú: Tổ 1, ấp Hòa H1, xã H, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thành Nhân, tổ 2, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2023, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy Nh trình bày:

Bà và ông Nguyễn An T có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2009 tại UBND xã H, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01,

cấp ngày 24/4/2009, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm. Bà và ông T không còn sống chung từ đầu năm 2023 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nh và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 03/7/2012. Sau khi ly hôn, bà Nh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn An T đã được tống đạt các văn bản tố tụng gồm thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa tuy nhiên tại thời điểm tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập ông T có mặt nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và giấy triệu tập, không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

- Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

-Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký tạm trú tại ấp Lồ Ồ, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Nguyễn An T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt; việc vắng mặt của ông T không vì lý do bất khả kháng. Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy Nh có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn 38, quyển số 01, cấp ngày 24/4/2009. Hôn nhân giữa bà Nh và ông T là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà Nh trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà Nh và ông T không còn sống chung từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nh xin ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt tại Toà án. Qua đó cho thấy ông T không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Nh và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nh yêu cầu được ly hôn ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nh và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 03/7/2012. Sau khi ly hôn, bà Nh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Duy P đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống cùng mẹ là bà Nh. Do đó yêu cầu của bà Nh về quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Nguyễn An T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Lê Thị Thúy Nh và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nh không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nh yêu cầu ly hôn với ông T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nh phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy Nh đối với bị đơn ông Nguyễn An T về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy Nh và ông Nguyễn An T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thúy Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 03/7/2012.

Ông Nguyễn An T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Bà Lê Thị Thúy Nh và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn An T trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thúy Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2021/0011256 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Cảnh